TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/ DS -ST
Ngày: 24-7- 2020
V/v: " T/c hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Nam, ông Hoàng Xuân Ty;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Dự – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Tuấn– Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H; sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số K, đường L, Phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

***- Bị đơn*:** Ông Trần Văn S, sinh năm 1968; bà Lê Thị Ng, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số M đường P, Phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; ông S, bà Ng đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2019, các lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 bà H có cho vợ chồng ông Trần Văn S, bà Lê Thị Ng vay số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng. Ngày 30/8/2019 ông S, bà Ng đã trả cho bà H số tiền 500.000.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng bà H đã đòi nhiều lần nhưng ông S, bà Ng không trả. Bà H yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà Ng trả cho bà số tiền gốc là 600.000.000đ, tiền lãi phát S từ ngày 08/7/2019 đến ngày 30/8/2019 đối với khoản vay 1.100.000.000 đồng = 52 ngày x 1,7%/ tháng = 32.396.000 đồng; khoản tiền lãi đối với số tiền 600.000.000 đồng tính từ ngày 01/9/2019 đến ngày 26/5/2020 = 06 tháng x 1,7%/ tháng = 61.200.000

đồng. Cộng hai khoản lãi là 93.596.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi buộc ông S, bà Ng phải thanh toán cho bà H số tiền 693.596.000 đồng.

Tại văn bản ngày 13/01/2020 và các lời khai, lời trình bày có trong hồ sơ bị đơn ông Trần Văn S trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về số tiền nợ và số tiền đã thanh toán, ông đã trả cho bà H 85.000.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc còn lại 600.000.000 đồng ông đồng ý trả, còn khoản lãi ông đề nghị trả theo lãi suất của Ngân hàng.

Tại văn bản ngày 17/3/2019 và các lời khai, lời trình bày có trong hồ sơ bị đơn bà Lê Thị Ng trình bày: Ngày 08/7/2019 bà và ông S ký giấy vay bà H số tiền 1.000.000.000 đồng mục đích đáo hạn Ngân hàng nhưng không đáo hạn được. Khi ký giấy bà không biết là ông S và bà vay 1.100.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà H số tiền 250.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Ng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị H. Buộc ông Trần Văn S, bà Lê Thị Ng có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày khởi kiện đến thời điểm xét xử theo quy định của pháp luật. Buộc ông S, bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà H phải chịu án phí đối với số tiền không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thị Ng, ông Trần Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay 600.000.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3].Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn, bị đơn xác lập giao dịch dân sự với nhau năm 2019 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1]. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) là có căn cứ bởi lẽ: Căn cứ giấy vay tiền đề ngày 08/7/2019 ông S, bà Ng có vay của bà H số tiền 1.100.000.000 đồng để đáo hạn Ngân

hàng. Ngày 30/8/2019 ông S, bà Ng đã trả 500.000.000 đồng. Số tiền còn lại đến nay ông S, bà Ng chưa trả do vậy bà H yêu cầu ông S, bà Ng có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 600..000.000 đồng là có căn cứ.

[4.2]. Về yêu cầu tính lãi: Bà H yêu cầu ông S, bà Ng có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền vay 1.100.000.000 đồng từ ngày 08/7/2019 đến ngày 30/8/2019 là 52 ngày x 1,7%/ tháng x 1.100.000.000đ = 32.396.000 đồng; lãi đối với số tiền 600.000.000 đồng tính từ ngày 01/9/2019 đến ngày 26/5/2020 = 06 tháng x 1,7%/ tháng = 61.200.000 đồng; tổng cộng hai khoản là 93.596.000 đồng xét không có căn cứ bởi:

Tại giấy vay tiền ngày 08/7/2019 giữa các bên có ghi: *Để đáo trả nợ ngân hàng và sẽ hoàn trả lại số nợ trên sau khi vay lại được ngân hàng*. Do ông S, bà Ng không được ngân hàng cho vay lại nên không có tiền thanh toán cho bà H. Như vậy cần xác định đây là hợp đồng dân sự vay không kỳ hạn và không có lãi. Điều 469 Bộ luật dân sự quy định: Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trong vụ án này bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đòi tài sản vay. Do vậy cần chấp nhận lãi suất đối với số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng kể từ ngày bà H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là ngày 29/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 24/7/2020) là 08 tháng 25 ngày.

[4.3]. Về mức lãi suất: Bà H yêu cầu tính lãi 1,7%/tháng, ông S, đề nghị trả lãi suất theo ngân hàng, bà Ng đề nghị tính theo quy định của pháp luật, dẫn đến tranh chấp về lãi suất. Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. (Lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 là không vượt quá 20%/ năm).

Như vậy lãi suất được chấp nhận là 10%/năm : 12 tháng = 0,83%/ tháng. Lãi suất được chấp nhận như sau: (600.000.000 đ x 0,83% x 265 ngày) : 30 = 43.990.000 đồng.

[5] Xét ý kiến của bị đơn ông S cho rằng ông đã trả 85.000.000 đồng tiền lãi nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Đối với ý kiến của bà Ng cho rằng bà chỉ chấp nhận vay của bà H số tiền 1.000.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy định thì thấy rằng khi vay tiền ông S và bà Ng đều trực tiếp nhận tiền và ký vào giấy vay tiền với số tiền 1.100.000.000 đ, do vậy cần buộc ông S và bà Ng liên đới trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 43.990.000 đồng, cộng hai khoản là 643.990.000 đồng theo phần: Ông S ½ = 321.995.000 đồng; bà Ng ½ = 321.995.000 đồng.

[6]. Khoản tiền lãi không được chấp nhận là: 93.596.000 đồng - 43.990.000 đồng = 49.606.000đ.

[7]. Về án phí: Ông S, bà Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; bà H phải chịu án phí trên số tiền không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 465, 466,468,469 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H buộc ông Trần Văn S, bà Lê Thị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 643.990.000 đồng, theo phần: Ông S 321.995.000 đồng; bà Ng 321.995.000 đồng (ba trăm hai mươi mốt triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với số tiền lãi là 49.606.000đ

2/ Về án phí: Buộc ông Trần Văn S, bà Ng mỗi người phải chịu 16.099.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà H phải chịu 2.480.300 đồng án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0016438 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B; bà H được trả lại số tiền 11.519.700 tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn là 15 ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP Bảo Lộc;
- Chi cục T.H.A.D.S.TP.Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Đình Tú